

**PALEXUS® 10 mg**

- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
- Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.
- Đeo kính tay trẻ em.
- Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

## THÔNG TIN:

Mỗi viên nén chứa:

- Imidapril hydrochlorid ..... 10 mg  
- Tá dược: Dicalc phosphat, Starch 1500, Lactose, Natri croscarmellose, Natri stearyl fumarate.

## DẶNG BÀO CHẾ:

Viên nén.

## QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

- Hộp 3 vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên.  
- Chai 100 viên.

## DƯỢC LÝ CHỌC:

Nhóm dược lý: Thuốc chống tăng huyết áp, nhóm ức chế enzym chuyển angiotensin.

Mã ATC: C09AA16.

Imidapril là một thuốc chống tăng huyết áp thuộc nhóm ức chế enzym chuyển angiotensin, có tác dụng như một tiêm được, sau khi uống chuyển thành imidaprilat. Trên huyết tương, enzym chuyển angiotensin (angiotensin converting enzyme, ACE), chuyển angiotensin I không có hoạt tính thành angiotensin II có hoạt tính co mạch mạnh, làm tăng huyết áp, đồng thời, kích thích tuyến thượng thận bài tiết aldosteron. Imidaprilat ức chế enzym chuyển angiotensin, do đó, ngăn cản chuyển angiotensin I thành angiotensin II, làm giảm angiotensin II trong huyết tương, dẫn đến tác dụng co mạch và giảm kali huyết thanh. Ngoài ra, enzym chuyển còn có chức năng giải hòa bradykinin thành chất chuyển hóa không có hoạt tính, do đó ức chế enzym chuyển angiotensin II đến tăng tác dụng của hễ kaliinin-kinin trong tuần hoàn và tái chế gián mạch ngại vi thông qua hoạt hóa prostaglandin. Imidapril cũng gián tiếp co mạch các yếu tố giàn mạch có nguồn gốc từ nội mạc. Voi hai cơ chế trên, imidapril làm giàn mạch và cải thiện tim do tái bao nồi mạc. Khi đã giàn mạch, imidapril làm giàn mạch và cải thiện tim do phản xạ bù trừ. Trong tất cả các thuốc ức chế enzym chuyển angiotensin khác, imidapril làm giàn tỷ lệ mắc bệnh và tỷ lệ tử vong ở người bị suy tim mạn. Imidapril làm giàn tim gianh, hàn gianh và sán cành tâm thu, tăng công năng của tim nhưng không tăng tần số tim. Imidapril giàn nhẹ, không đổi kali huyết thanh, đồng thời, tăng thải natri và dịch bàng cách tăng lưu lượng máu qua thận, giàn xuất aldosteron và hormone chống bài niệu. Lưu lượng máu qua thận tăng nhưng không đổi lõi cầu thận thường huyết không đổi. Imidapril làm giàn huyết áp ở mức độ nhẹ, không hoãn toàn, sinh khả dụng dung nồng của imidapril khoảng 70%. Thúc ảm làm giàn hấp thu thuốc. Nồng độ cao nhất trong huyết tương của imidapril đạt khoảng 2 giờ sau khi dùng thuốc.

Phản ứng: Imidapril và chất chuyển hóa imidapril có hoạt tính đều liên kết với protein huyết tương ở mức độ trung bình, tương ứng khoảng 85% và 53%.

Chuyển hóa: Imidapril được chuyển hóa nhanh organ, chủ yếu thông qua thủy phân gốc ethyl ester, tạo thành chất chuyển hóa có hoạt tính là imidaprilat. Thời gian đạt nồng độ cao nhất trong huyết tương của imidaprilat trong khoảng 7 giờ sau khi uống thuốc. Sinh khả dụng tuyệt đối của imidaprilat khoảng 42%.

Thái trú: Nồng độ imidapril trong huyết tương giảm theo một pha với thời gian bán thải khoảng 2 giờ. Sinh khả dụng tuyệt đối của imidaprilat trong huyết tương giảm theo hai pha với thời gian bán thải ở pha đầu khoảng 7-9 giờ và thời gian bán thải ở pha cuối trên 24 giờ. Khoảng 40% liều thuốc được đào thải vào nước tiểu, phần còn lại vào phân.

Khi dùng liệu lặp lại, nồng độ của imidaprilat đạt trạng thái ổn định khoảng 5 ngày sau khi dùng imidapril lần đầu tiên. Nồng độ trong huyết tương và AUC của imidapril và imidaprilat tăng lên ở bệnh nhân suy thận. AUC của imidaprilat tăng gấp hai lần ở bệnh nhân có Cl<sub>r</sub>: 30 - 50 ml/phút. Có rất ít kinh nghiệm dùng thuốc trong các mức độ suy thận, nhất là khi dùng liều 20 mg trong suy thận. Ở bệnh nhân suy thận, AUC của imidapril và imidaprilat hơi cao hơn so với người khỏe mạnh, trong khi đó thời gian đạt được nồng độ đỉnh tương tự nhau ở 2 nhóm. Ở người suy thận, thời gian bán thải của imidapril trong huyết tương giảm theo hai pha với thời gian bán thải ở pha đầu khoảng 7-9 giờ và thời gian bán thải ở pha cuối trên 24 giờ. Khoảng 40% liều thuốc được đào thải vào nước tiểu, phần còn lại vào phân.

CHỈ ĐỊNH:

Điều trị tăng huyết áp vô căn ở người lớn.

## LIỆU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG:

## Cách dùng:

- Dùng uống, uống thuốc ngày 1 lần, 15 phút trước bữa ăn, uống đúng giờ.

- Do một số bệnh nhân có thể bị hạ huyết áp nặng khi bắt đầu điều trị bằng các thuốc ức chế enzym chuyển angiotensin, nên uống liều thuốc đầu tiên trước giờ đi ngủ.

## Liều dùng:

- **Người lớn:** Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.

- Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày. Nếu sau 3 tuần điều trị mà không kiểm soát được huyết áp, liều có thể tăng lên 10 mg/ngày (liều hàng ngày có hiệu quả nhất). Có một số ít người bệnh có thể phải cần đến liều 20 mg/ngày (liều tối đa khuyến cáo), trường hợp này có thể cần nhắc sử dụng phối hợp với một thuốc lợi tiểu.

Chưa xác định được lợi ích khi phối hợp imidapril với các thuốc chống tăng huyết áp.

- **Người cao tuổi (≥ 65 tuổi):** Liều khởi đầu là 2,5 mg, 1 lần/ngày, hiệu chỉnh liều theo đáp ứng huyết áp của bệnh nhân. Liều tối đa khuyên cáo: 10 mg, 1 lần/ngày.- **Suy thận:** Trước khi điều trị, phải kiểm tra chức năng thận nếu có nghi ngờ tổn thương thận.

Điều trị tăng huyết áp vô căn ở người lớn.

Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận.

- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: 5 mg, 1 lần/ngày.- **Điều trị tăng huyết áp:** Điều trị tăng huyết áp ở bệnh nhân suy thận. Liều khởi đầu: